TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-12-2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quang Minh

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 737/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Sa M, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ý trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh M sống chung năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Chị xác giữa các bên đã tự thõa thuận với nhau xong về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Phạm Sa M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Y kết hôn năm 2018, hôn nhân do anh tự nguyên không ép buộc nhưng không có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, có tổ chức hôn lễ, không có đăng ký kết theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau.

Anh không có tình cảm với chị Y, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Thời gian chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Anh xác các bên đã tự thõa thuận với nhau xong về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Phạm Sa M có nơi trú tại ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh M nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Y là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị Y là nguyên đơn, anh M là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018, anh chị tổ chức hôn lễ là tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh M. Anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M thống nhất với yêu cầu của chị Y, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tại phiên tòa, chị Y xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh M. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Anh chị xác định không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định tài sản chung các bên đã tự thõa thuận giải quyết với nhau xong, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Ý phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28,điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 19, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y về việc ly hôn với anh Phạm Sa M.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn M.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002885 ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Nguyễn Thị Y không phải nộp tiếp.

Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Sa M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp